

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
Số: 2120/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kbang, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ Nhiệm vụ và hồ sơ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 271/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Kbang về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032;

Căn cứ Thông báo số 701/TB/HU ngày 18/10/2023 của Ban thường vụ Huyện ủy về thống nhất chủ trương thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng 13 xã.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 02/XD-KT&HT ngày 01/11/2023 về việc thẩm định quy hoạch chung xây dựng xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

*** Phạm vi lập quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã.

*** Ranh giới:**

+ Phía Bắc giáp: Xã Krong, huyện Kbang.

+ Phía Nam giáp: Xã Tơ Tung, huyện Kbang.

+ Phía Đông giáp: Xã Đak Smar, thị trấn Kbang và xã Đông huyện Kbang.

+ Phía Tây giáp: xã Hra, Huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

*** Mục tiêu quy hoạch:**

- Hình thành xã đạt chuẩn nông thôn mới, theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới. Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai lập các quy hoạch chi tiết, cho việc tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

*** Tính chất:**

- Là xã sản xuất Nông nghiệp, trọng điểm là trồng cây nông nghiệp và cây công nghiệp.

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã 2022 là: 3.312 người.

- Quy mô dân số định hướng đến năm 2032: 3.853 người.

3.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2032: 3.587 người.

3.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Lơ Ku năm 2022: 14.214,23 ha.

- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2032: 14.214,23 ha.

3.4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về kiến trúc, quy hoạch tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07/2016/BXD.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Điểm dân cư trung tâm xã :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu. Bên cạnh còn gắn các điểm dân cư người bản địa sống ổn định từ lâu đời...
- Phát triển không gian tập trung.
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.
- Gồm các hộ thương mại dịch vụ có diện tích 200m² - 400m² (là các hộ ở vị trí thuận lợi gần các trục giao thông chính, trung tâm xã) cần xác định mật độ xây dựng phù hợp với từng lô đất.
- Mật độ xây dựng: < 70%;

4.2. Điểm dân cư tại thôn, làng:

- Các điểm dân cư tại các thôn, làng chủ yếu sản xuất nông nghiệp bố cục chủ yếu theo dạng tuyến dọc theo các trục đường, đường sản xuất, chủ yếu là các khu dân cư tập trung.
- Xây dựng hình ảnh nông thôn mới văn minh, hiện đại. Môi trường trong sạch.
- Diện tích lô đất ở dự kiến: 400m²/hộ.
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: <60%.

4.3. Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường, Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.
- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng hàng hoá lợi thế (như: cà phê, cao su, tiêu, lúa nước, ngô, đậu đỗ, thịt gia súc gia cầm các loại, nuôi trồng thủy sản).
- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường
- Khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi để mở rộng diện tích lúa nước, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển đa ngành.
- Quy hoạch vùng sản xuất hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có phù hợp với loại cây trồng.
- Xây dựng và kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập giữ nước đảm bảo lượng nước tưới cho cây trồng vào mùa khô.

4.4. Chăn nuôi - thủy sản:

* Chăn nuôi:

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp (mô

hình chăn nuôi trang trại). Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao.

* Thủy sản:

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước và tận dụng các vùng đất thấp ven sông, suối xây dựng ao nuôi thủy sản với các loài có giá trị kinh tế cao

4.5. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ:

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích nghề truyền thống của xã phát triển, đặc biệt là các nghề phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương như: xay sát, mộc dân dụng, giết mổ gia súc... nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ của nhân dân và làm hàng hóa.

4.6. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Đầu tư xây dựng mới chợ xã để tạo điều kiện cho mua bán và trao đổi hàng hoá nông sản của nhân dân.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi, cũng như áp dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước ở mức cao nhất cho hộ kinh doanh lĩnh vực thương mại mở rộng ngành nghề kinh doanh và mở rộng thêm các cơ sở kinh doanh.

- Đối với các làng dân tộc thiểu số cần gìn giữ và phát huy bản sắc của từng làng... quy hoạch không gian kiến trúc phù hợp theo văn hóa dân tộc, đồng thời xây dựng phát triển không gian văn hóa bản địa, xây dựng mô hình làng văn hóa, làng nghề truyền thống của người dân tộc thiểu số... nhằm phát triển dịch vụ du lịch tìm hiểu văn hóa dân tộc bản địa,...

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Các nội dung quy hoạch khu trung tâm xã và công trình chức năng của xã:

- Quy hoạch chợ xã tại khu vực trung tâm xã trên trục đường liên xã diện tích 2,5 ha.

- Quy hoạch đất công an xã nằm trên trục đường liên xã phía Đông trung tâm xã với diện tích 0,35ha.

- Định hướng 1 phần đất giáo dục thành đất trung tâm văn hóa xã nằm trên trục đường liên thôn từ trung tâm xã vào làng Lơ Vi diện tích 0,5ha.

- Quy hoạch phát triển dân cư khu vực trung tâm xã dọc trục đường liên xã và trục đường liên thôn đi làng Lơ Vi, và một phần đất phía Đông làng Lơ Vi.

- Quy hoạch mở rộng đất quốc phòng diện tích mở rộng 0,11ha.

- Nắn tuyến đường nội đồng đi qua đất quốc phòng về phía Đông.

- Quy hoạch đất Thủy lợi phía Tây của xã với diện tích 37,39ha.

- Quy hoạch mới trục đường nội đồng và khu đất Thủy lợi.

- Đầu tư xây dựng 2 cầu dân sinh tại thôn 1.

- Quy hoạch 01 cửa hàng xăng dầu tại khu trung tâm xã đáp ứng nhu cầu nhiên liệu tại chỗ cho nhân dân, phục vụ vận chuyển hàng hóa, nhu cầu đi lại, sản xuất, phát triển kinh tế địa phương.

- Bãi rác: Quy hoạch bãi rác của xã phía Bắc trung tâm xã diện tích: 3ha.

- Khu chăn nuôi tập trung: Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung trên trục đường liên thôn từ thôn 1 qua làng Lơ Vi với diện tích 26ha.

5.2. Đối với các thôn làng:

*** Nội dung quy hoạch tại làng Lơ Vi:**

- Quy hoạch phát triển dân cư cho làng phía Nam trên trục đường liên thôn và phía Tây làng trên trục đường nội thôn.

*** Nội dung quy hoạch tại thôn 2:**

- Khu vực gần trung tâm xã:

+ Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn phía Nam nhà sinh hoạt thôn và phát triển dân cư dọc trục đường này.

+ Quy hoạch đất phát triển dân cư dọc trục đường liên xã và đường liên thôn đi làng Kbang.

- Khu vực giáp thị trấn Kbang:

+ Phát triển dân cư dọc trục đường Liên xã.

+ Quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng phía Nam trục đường Liên xã.

+ Mở rộng nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện trên địa bàn thôn 2 với diện tích mở rộng 6,87 ha

*** Nội dung quy hoạch tại làng Lợk:**

- Quy hoạch mở mới 2 tuyến đường: 1 tuyến đầu nối với trục đường liên xã, 1 tuyến đầu nối với đường hiện trạng của làng và phát triển dân cư cho làng dọc 2 trục đường này.

- Quy hoạch một phần đất phát triển dân cư phía Đông làng.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa địa làng về phía Nam với diện tích mở rộng 0,50ha.

*** Nội dung quy hoạch Làng Bôn:**

- Quy hoạch mở rộng nghĩa địa làng về phía Nam với diện tích mở rộng 0,69ha.

- Quy hoạch phát triển dân cư cho làng và phía Tây và phía Nam làng.

*** Nội dung quy hoạch Làng Kbang:**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội làng phía Tây trục đường liên thôn và phát triển dân cư dọc trục đường này.

- Mở mới trục đường nội đồng giáp với nhà sinh hoạt vào nghĩa địa của làng.

- Quy hoạch phát triển dân cư dọc trục đường liên thôn khu vực đầu làng.

- Quy hoạch mới nghĩa địa làng với diện tích 2,47 ha.

*** Nội dung quy hoạch Làng Tăng (khu vực gần trung tâm xã):**

- Quy hoạch mới tuyến đường khu vực trung tâm làng.

- Mở rộng nghĩa địa làng Tăng với diện tích mở rộng 0,61ha.

- Đất sử dụng hoạt động khoáng sản: Vị trí phía Tây Nam làng có diện tích 3 ha.

*** Nội dung quy hoạch Làng Đăk Kjong:**

- Quy hoạch đất nhà rông văn hóa giáp đất giáo dục thành đất khu vui chơi, giải trí cho làng.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội làng phía Tây Bắc làng đầu nối với đường hiện trạng giáp khu vui chơi và phát triển dân cư dọc trục đường này.

- Quy hoạch nghĩa địa làng phía Đông làng với diện tích 0,54ha và đầu tư trục đường nội đồng vào nghĩa địa làng. Quy hoạch một nghĩa địa phía Đông Bắc của làng các trung tâm làng khoảng 400m với diện tích 0,73ha và đầu tư đường nội đồng giáp nghĩa địa này.

- Quy hoạch phát triển dân cư dọc trục đường liên xã phía Tây Nam làng.

*** Nội dung quy hoạch Làng Chợch:**

- Quy hoạch mới trục đường nội làng phía Đông làng giáp với đất hiện trạng, đầu nối với đường hiện trạng và phát triển dân cư dọc trục đường này .

- Quy hoạch phát triển dân cư phía Tây làng trên trục đường nội làng.

- Quy hoạch mới nghĩa địa làng với diện tích 1,41 ha.

6. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Quy hoạch trung tâm giống gà trứng công nghệ cao khu vực thôn 2 giáp ranh giới thị trấn Kbang với diện tích 28,72ha.

- Quy hoạch mới khu sản xuất kinh doanh phía Tây Nam làng Tăng.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN XÃ

TT	Mục đích sử dụng đất	Định hướng đến năm 2027		Định hướng đến năm 2032	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	12.960,02	91,18%	12.919,76	90,89%
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.812,36	33,86%	3.953,50	27,81%
1.2	Đất lâm nghiệp	8.022,05	56,44%	8.763,99	61,66%
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	9,07	0,06%	9,07	0,06%
1.4	Đất nông nghiệp khác	116,54	0,82%	193,20	1,36%
2	Đất xây dựng	1.066,02	7,50%	1.153,84	8,12%
2.1	Đất ở	45,94	0,32%	56,19	0,40%
2.2	Đất công cộng	11,45	0,08%	16,21	0,11%
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,46	0,01%	1,99	0,01%
2.4	Đất danh lam thắng cảnh, di tích				
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	5,45	0,04%	8,65	0,06%
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	13,53	0,10%	40,60	0,29%
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,59	0,00%	1,40	0,01%
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	950,86	6,69%	967,13	6,80%
-	Đất giao thông	107,80		111,60	
-	Đất xử lý chất thải rắn			3,50	
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	16,68		25,43	
-	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	826,38		826,60	

	khác				
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	14,20	0,100%	39,13	0,275%
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	22,54	0,159%	22,54	0,159%
3	Đất khác	188,19	1,32%	140,63	0,99%
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	109,39	0,77%	107,75	0,76%
3.2	Đất chưa sử dụng	78,80	0,55%	32,88	0,23%
-	Tổng cộng	14.214,23	100%	14.214,23	100%

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối:

8.1. Quy hoạch san nền thoát nước mưa:

8.1.1. San nền:

- Tôn trọng hiện trạng, đảm bảo khu vực không bị ngập úng sạt lở đất.
- Hạn chế đào đắp lớn.
- Thoát nước mặt thuận lợi.
- Kinh phí đầu tư cho công tác san nền thoát nước hiệu quả nhất.

8.1.2. Thoát nước mưa:

- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chỉ nên xây dựng cống thoát nước cho khu vực có ít nhất 20 hộ gia đình sống tập trung.
- Chọn chủng loại mương xây đầy nắp đan, cống tròn BTCT xây dựng dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Đối với trục đường liên xã sử dụng mương xây đầy nắp đan 1500x1500 đảm bảo thu gom nước mưa từ các khu dân cư, khu công cộng...
- Tổng chiều dài các tuyến cống, mương 133,46m, đạt khoảng 100% tổng chiều dài đường trong khu dân cư có cống, mương.
- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: tuyến mương (cống), hố ga thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.
- Trục tiêu chính là các suối khe lớn trong khu vực.

8.2. Quy hoạch giao thông:

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông điển hình

TT	Tên loại đường	Tên mặt cắt giao thông	Lòng đường (m)	Vỉa hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)	Ghi chú
1	Đường Huyện, Liên xã	1-1	5,5	7,25x2	20	- Lòng đường qua trung tâm xã: 8,0m
2	Đường xã, liên thôn, làng	2-2	5,5	3,75x2	13	

TT	Tên loại đường	Tên mặt cắt giao thông	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)	Ghi chú
3	Đường nội thôn, làng	3-3	5,5	3x2	11,5	
4	Đường đi khu sản xuất	4-4	3,5	1,75x2	7	

8.3. Quy hoạch thủy lợi:

- Vận động nhân dân các thôn thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để đảm bảo phục vụ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Vận động nhân dân các thôn, làng áp dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm, tiên tiến cho các loại cây trồng để sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đối với nguồn nước hiện có.

8.4. Quy hoạch cấp điện:

8.4.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2027 là 697,65 kVA.

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2032 là 747,13 kVA.

8.4.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

Nguồn cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho khu vực xã Lơ Ku từ đường dây 22KV hiện có chạy dọc theo các trục đường liên xã, liên thôn. Trong giai đoạn đến năm 2035, dự kiến cải tạo và nâng cấp đồng bộ lưới điện hiện có trên địa bàn xã thành lưới điện 22KV nhằm nâng cao chất lượng vận hành cũng như cung cấp điện phục vụ nhu cầu người dân.

Trạm biến áp:

- Quy hoạch mở rộng lưới điện và bố trí mới các TBA 22/0,4KV công suất từ 150-250KVA, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân tại các làng hiện có và đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho các khu dân cư mới trên địa bàn xã cũng như phục vụ đến các khu sản xuất tập trung.

+ Đối với khu vực dân cư tập trung sẽ nâng cấp công suất cho các TBA lên 250 – 400 KVA, mở rộng phạm vi cung cấp điện cho toàn bộ các khu dân cư và khu vực phát triển mở rộng.

+ Đối với các khu quy hoạch mới, các khu vực dân cư còn lại sẽ tính toán nâng cấp công suất đối với các trạm biến áp hiện có, hoặc bố trí mới trạm biến áp phù hợp với nhu cầu phụ tải từng khu vực.

Đường dây điện 22KV:

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện có của xã với tổng chiều dài đường dây 27,1km và quy hoạch mới khoảng 11,6Km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện dự án riêng.

Đường dây điện 0,4KV:

- Chính trang lại các tuyến đường dây 0,4KV, thay thế các tuyến đường dây

không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn cấp điện. Quy hoạch mới các tuyến cấp điện đến các khu dân cư giãn dân, khu sản xuất. Dự kiến đầu tư mới khoảng 8,60 km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện các dự án.

Chiếu sáng giao thông:

- Phát triển chiếu sáng khu vực nông thôn kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã.
- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.
- Sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện.
- Sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng công cộng, các trục đường chính ngoài khu dân cư...

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

8.5.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước

- Tổng lượng cấp nước đến năm 2027 là 371 m³/ng.đ.
- Tổng lượng cấp nước đến năm 2032 là 400 m³/ng.đ.

Nguồn nước:

- Nguồn nước mặt: Mạng lưới sông suối trên địa bàn xã, hồ chứa...
- Nguồn nước ngầm: Khai thác từ giếng khoan, do địa hình xã tương đối bằng phẳng, các nguồn nước mặt, ao hồ lớn phân bố khá đồng đều trên địa bàn.

Giải pháp quy hoạch:

- Đối với các hộ dân phân bố không tập trung: Cấp nước theo hình thức phân tán, sử dụng các giếng khoan đường kính nhỏ có công trình lọc nước gia đình đúng kỹ thuật.
- Đối với các cụm dân cư tập trung: Cấp nước theo hình thức tập trung với các công trình xử lý nước hoàn chỉnh.

Công trình đầu mối:

- Giai đoạn trước mắt: Tạm thời sử dụng giếng đào, giếng khoan đường kính nhỏ cấp nước cho nhu cầu dân sinh, cần phải hướng dẫn các hộ gia đình xử lý nước trước khi dùng bằng bể lọc gia đình.
- Giai đoạn đến năm 2027: Nhu cầu dùng nước là 371 m³/ngày-đêm. Định hướng xây dựng 2 trạm cấp nước có tổng công suất 371 m³/ngày-đêm, công trình cấp nước dự kiến bố trí gồm giếng khoan và thủy đài 50m³ kết hợp với bơm nước mặt từ hồ đập giữ nước. Nước sau khi xử lý nước được bơm vào mạng lưới đường ống cấp cho các khu vực dân cư và công trình công cộng. Đối với các khu vực dân cư không tập trung, giai đoạn này tiếp tục sử dụng các nguồn nước giếng khoan giếng đào tại chỗ.
- + Giai đoạn đến năm 2032: Nhu cầu dùng nước là 400 m³/ngày-đêm, nâng cấp trạm cấp nước để phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư phát triển mới. Đồng thời mở rộng hệ thống cấp nước sạch đến từng hộ dân.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

8.6.1. Tổng lưu lượng nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là 203 m³/ng.đ.

- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là 291 m³/ng.đ.

8.6.2. Các chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2027 là 1,7 tấn/ng.đ.
- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2032 là 3,0 tấn/ng.đ.

8.6.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

Thoát nước bản:

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

Chất thải rắn:

- Giai đoạn đến năm 2027:

+ Bố trí điểm chôn lấp hợp vệ sinh CTR cho toàn xã.

+ Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các xóm được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng 15-20 bể chứa CTR cho các khu dân cư trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Giai đoạn đến năm 2032:

+ Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và phân bón cây trồng.

8.7. Quy hoạch nghĩa trang:

- Định hướng nghĩa trang các thôn làng có diện tích 1,0-2,0 ha

- Đối với các thôn, làng có nghĩa trang gần với khu dân cư (dưới 500m) thì khoanh vùng lại và tìm vị trí quy hoạch mới đảm bảo tiêu chuẩn cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Dự kiến đến giai đoạn dài hạn: Trồng cây xanh bao quanh nghĩa trang, xây dựng đường đi, mộ chỉ xây có hàng lối, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp tôn nghiêm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

9.1. Các dự án ưu tiên đầu tư: Làm mới, nâng cấp các tuyến đường liên thôn làng và các tuyến trục thôn, các tuyến đường ra khu sản xuất. Đầu tư các công trình công cộng thiết yếu cấp xã và các thôn làng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

9.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách, kêu gọi nhân dân đóng góp, vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: (có quy định cụ thể kèm theo)

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

11.1. Tiến độ:

- Giai đoạn đầu 2023-2027

- Giai đoạn sau 2028-2032

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện: Thực hiện theo phân kỳ các giai đoạn trung hạn 05 năm và có kế hoạch chi tiết thực hiện hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã Lơ Ku phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng NTM xã Lơ Ku giai đoạn 2017-2020.

Điều 4: Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lơ Ku và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP, TH.

Như

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

